

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 01 - 8 - 2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Tề Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm: 1990 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A M, tổ F, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A M, tổ F, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Huỳnh Ngọc P vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2011, Quyển số 01/2011 ngày 10 tháng 02 năm 2011, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống tại địa chỉ số A M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh

phúc nhưng đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **Huỳnh Ngọc P.**

- Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Bé N** xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên: **Huỳnh Ngọc Khởi V**, sinh ngày: 06/4/2011; **Huỳnh Ngọc Long H**, sinh ngày: 01/9/2012; **Huỳnh Ngọc Bảo L**, sinh ngày: 09/7/2015. Ly hôn, con muốn sống với ai là theo nguyện vọng của con: **Huỳnh Ngọc Khởi V** và **Huỳnh Ngọc L H** có nguyện vọng ở với Ba, **Huỳnh Ngọc Bảo L** có nguyện vọng ở với mẹ, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Bé N** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

** Đối với bị đơn ông **Huỳnh Ngọc P**:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông **Huỳnh Ngọc P** nhưng ông **Huỳnh Ngọc P** cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc mà không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành cho ông **Huỳnh Ngọc P** viết bản tự khai, cũng như không thể tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- **Về tố tụng:** Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- **Về việc giải quyết vụ án:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bé N**, xử cho bà **Nguyễn Thị Bé N** được ly hôn ông **Huỳnh Ngọc P**

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cả ba con chung tên **Huỳnh Ngọc Khởi V**, sinh ngày: 06/4/2011; **Huỳnh Ngọc Long H**, sinh ngày: 01/9/2012; **Huỳnh Ngọc Bảo L**, sinh ngày: 09/7/2015 cho bà **Nguyễn Thị Bé N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **N** không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Bé N** và ông **Huỳnh Ngọc P**

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé N và ông Huỳnh Ngọc P.

[2]Về Nội dung tranh chấp:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bé N và ông Huỳnh Ngọc P được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2011, Quyển số 01/2011 ngày 10 tháng 02 năm 2011. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Bé N khai rằng: Bà không còn tình cảm, không còn thương yêu gì đối với ông Huỳnh Ngọc P nữa, hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, không còn trách nhiệm với nhau, tình cảm giữa bà với ông P không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Huỳnh Ngọc P.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc P Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với ông Huỳnh Ngọc P nhưng ông Huỳnh Ngọc P vẫn không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể cho ông Huỳnh Ngọc P viết bản tự khai, cũng như hòa giải được.

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 10 tháng 7 năm 2024 đã được chính quyền địa phương xác nhận có nội dung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Huỳnh Ngọc P trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà N và ông P không đạt được mục đích này. Xét thấy cuộc hôn nhân của bà N và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn ông P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bé N xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên: Huỳnh Ngọc Khởi V, sinh ngày: 06/4/2011; Huỳnh Ngọc Long H, sinh ngày: 01/9/2012; Huỳnh Ngọc Bảo L, sinh ngày: 09/7/2015. Ly hôn, con muốn sống với ai là theo nguyện vọng của con. Nguyện vọng của con Huỳnh Ngọc Khởi V và Huỳnh Ngọc L H có nguyện vọng ở với Ba, Huỳnh Ngọc Bảo L có nguyện vọng ở với mẹ, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét yêu cầu được nuôi con của bà **N** thì thấy: Việc nuôi dạy con là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ, hiện tại 03 con đã trên 07 tuổi nên HĐXX tôn trọng ý kiến của con, HĐXX căn cứ vào các điều 58, 81, 82, 83, 84 luật HNGĐ năm 2014 xử giao con **Huỳnh Ngọc Khởi V**, sinh ngày: 06/4/2011; **Huỳnh Ngọc Long H**, sinh ngày: 01/9/2012 cho ông **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con **Huỳnh Ngọc Bảo L**, sinh ngày: 09/7/2015 cho bà **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **N** không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **N** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm **Nguyễn Thị Bé N** phải chịu là 300.000 đồng.

[4] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**, xử cho bà **N** được ly hôn ông **P** và giao con chung **Huỳnh Ngọc Khởi V**, sinh ngày: 06/4/2011; **Huỳnh Ngọc Long H**, sinh ngày: 01/9/2012 cho ông **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con **Huỳnh Ngọc Bảo L**, sinh ngày: 09/7/2015 cho bà **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. HĐXX xét thấy đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận của HĐXX nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147, 227, 228, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bé N** và ông **Huỳnh Ngọc P** về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà **Nguyễn Thị Bé N** được ly hôn ông **Huỳnh Ngọc P**.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Huỳnh Ngọc Khởi V**, sinh ngày: 06/4/2011; **Huỳnh Ngọc Long H**, sinh ngày: 01/9/2012 cho ông **Huỳnh Ngọc P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con **Huỳnh Ngọc Bảo L**, sinh ngày: 09/7/2015 cho bà **Nguyễn Thị Bé N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không nuôi con được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Bé N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001501 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Báo cho bà Nguyễn Thị Bé N và ông Huỳnh Ngọc P biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

